TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 21/12/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Văn Sinh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Sỹ và ông Phan Tiến Dũng
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Biển - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Hoàng Văn Hạnh là Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLPT - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung"

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2023/HNGĐ–ST ngày 14/9/2023 của Toà án nhân dân thị xã An K, tỉnh Gia Lai có kháng cáo của: bị đơn anh Nguyễn Hữu H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2023/QĐ-PT ngày 07/12/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn A, xã Phước A1, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn 2, xã T, thị xã An K, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Ngọc Q là luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Quang Phạm thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 60 Trần Khánh D, phường DH, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

Do có kháng cáo của: Bị đơn anh Nguyễn Hữu H

NỘI DUNG VỤ ÁN

I. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Ngày 24/4/2015, chị L và anh Nguyễn Hữu H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước An, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, anh H không chăm lo cho vợ con, hay xúc phạm vợ nên vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Do vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/02/2015. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L yêu cầu chia tài sản chung gồm: Một xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 81G1-210.90 mang tên Nguyễn Hữu H, trị giá 10.000.000đ và một xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 77G1-678.10 mang tên Lê Thị L, trị giá 10.000.000đ. Chị L yêu cầu chia đôi, giao cho anh H sở hữu xe 81G1-210.90 và giao cho chị L sở hữu xe 77G1-678.10.

Về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Nguyễn Hữu H và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Anh H và chị L có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh H đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/02/2015 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Chị L yêu cầu chia tài sản chung đối với 02 xe mô tô biển số 81G1-210.90 và xe mô tô biển số 77G1-678.10, thì anh H thống nhất về giá trị xe 10.000.000đ/xe như chị L trình bày. Anh H đồng ý chia đôi hai chiếc xe theo như ý kiến của chị L.

Ngoài ra, anh H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm 02 lượng vàng cưới 24k và 01 lượng vàng SJC. Anh H yêu cầu chia đôi mỗi người được hưởng ½, chị L phải thanh toán lại cho anh H 01 lượng vàng 24k và 0,5 lượng vàng SJC.

Về nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Quyết định của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 26/2023/HNGĐ–ST ngày 14/9/2023 của Toà án nhân dân thị xã An K, tỉnh Gia Lai đã quyết định như sau:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 29, 30, 33, 37, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điểm a, b khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

- *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/02/2015, khi cháu H2 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu H2 với số tiền 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi và tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản chung:* Chia cho chị Lê Thị L được quyền sở hữu xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 77G1-678.10, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050964 do Công an huyện Tuy P, tỉnh Bình Định cấp ngày 02/10/2019 mang tên Lê Thị L, trị giá 10.000.000đ; chia cho anh Nguyễn Hữu H được quyền sở hữu xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 81G1-210.90, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014480 do Công an thị xã An K, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/8/2018 mang tên Nguyễn Hữu H, trị giá 10.000.000đ.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hữu H về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm 02 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng SJC.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

III. Về kháng cáo:

1. Ngày 28/9/2023 bị đơn anh Nguyễn Hữu H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

- Yêu cầu Tòa phúc thẩm giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/2/2015 cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn;

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh về chia tài sản chung của vợ chồng gồm 02 lượng vàng cưới 24k và 01 lượng vàng SJC. Anh H yêu cầu chia đôi mỗi người được hưởng ½.

2. Nguyên đơn chị Lê Thị L không kháng cáo.

IV. Về kháng nghị: Bản án không bị kháng nghị.

V. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị L không rút đơn khởi kiện và có ý kiến: Chị đã bán 08 chỉ vàng 24K để mua 1 chiếc xe mô tô xe mô tô anh H sử dụng; bán 06 chỉ vàng 24K để mua 01 con bò (hiện con bò đã bán để đầu tư trồng mía), dùng chi tiêu lúc hai vợ chồng về quê sinh sống và sau khi ly thân chị về Bình Định sinh sống bán thêm 08 chỉ vàng 24K để mua xe mô tô biển số 77G1-678.10 hiện chị sử dụng; số vàng còn lại chị bán hết để chữa bệnh, nuôi con. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn anh H giữ nguyên nội dung kháng cáo và có ý kiến: Chị L khai bán vàng để sử dụng vào mục đích trên là anh không biết. Đối với chiếc xe máy anh sử dụng là lấy từ tiền công của anh chăn bò để mua.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến: Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Hữu H là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp; quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

Bị đơn kháng cáo Bản án trong hạn luật định và đúng phạm vi kháng cáo.

Đối với quyết định của bản án sơ thẩm về phần giải quyết ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Hữu H:

[3.1]. Đối với kháng cáo về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, thấy rằng:

Anh H và chị L chỉ có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/02/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh H xác nhận từ ngày hai vợ chồng sống ly thân tức từ năm 2019 đến nay cháu H2 ở với mẹ, chị L chăm sóc nuôi dưỡng bình thường và tạo điều kiện cho anh thăm con. Hiện chị L làm công nhân của công ty TNHH kỹ nghệ ECO TECH có thu nhập ổn định hàng tháng từ 8-9 triệu đồng, chị đang có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, và bản thân cháu H2 cũng có nguyện vọng được tiếp tục được ở với mẹ. Do đó, Tòa sơ thẩm giao con chung cháu H2 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh H kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, nH2 không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc chị L không đủ điều kiện để nuôi con, nên kháng cáo của anh H về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2]. Về kháng cáo yêu cầu chia 02 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng SJC. cho mỗi người được hưởng ½, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh H đều trình bày vợ chồng có số vàng cưới gồm: 02 lượng vàng 24K và 01 lượng vàng SJC. Chị L thừa nhận có giữ số vàng trên.

Tuy nhiên chị L cho rằng chị đã bán 08 chỉ vàng 24K để mua xe mô tô biển biển số 81G1-210.90 hiện anh H đang sử dụng; bán 06 chỉ vàng 24K để mua 01 con bò (hiện con bò đã bán để đầu tư trồng mía); sau khi về Bình Định sinh sống chị bán thêm 08 chỉ vàng 24K để mua xe mô tô biển số 77G1-678.10; số vàng còn lại chị đã bán để chữa bệnh, nuôi con. Còn anh H cho rằng: Chị L khai bán vàng để mua 2 chiếc xe máy cho anh một chiếc và chị L 1 chiếc và chi tiêu lúc 2 vợ chồng về quê

và chữa bệnh cho chị L là anh không biết. Đối với chiếc xe máy anh sử dụng là lấy từ tiền công của anh chăn bò để mua.

Tuy nhiên chị L và anh H chỉ có lời khai, không có chứng cứ để chứng minh số vàng trên bán sử dụng mục đích gì. Thực tế từ khi kết hôn anh chị không có công việc ổn định, thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào nghề nông và phụ giúp cha mẹ anh H.

Trong thời kỳ hôn nhân anh H, chị L có mua 2 chiếc xe mô tô là có thật; anh H và chị L cũng có thời gian về quê (vợ) sinh sống; chị L và anh H sống ly thân từ năm 2019, chị L đem con nhỏ về quê Bình Định sinh sống và tự nuôi con đến nay, anh H không chu cấp tiền nuôi con, nên toàn bộ chi phí nuôi dưỡng con chung đều do một mình chị L bỏ ra. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số vàng trên chị L đã bán hết dùng vào việc chi tiêu phục vụ cuộc sống gia đình và nuôi con là có cơ sở, phù hợp với thực tế. Anh H kháng cáo yêu cầu chia 02 lượng vàng 24K và 01 lượng vàng SJC nH2 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên toàn bộ kháng cáo của anh H là không có cơ sở để chấp nhận.

[5]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Hữu H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 26/2023/HNGĐ–ST ngày 14/9/2023 của Toà án nhân dân thị xã An K, tỉnh Gia Lai về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung*" giữa nguyên đơn chị Lê Thị L với bị đơn là anh Nguyễn Hữu H.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nH2 được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo các biên lai số: 0006883 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An K, tỉnh Gia Lai. Anh H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-.VKSND tỉnh Gia Lai;
-.TAND thị xã An K;
-.Chi cục THADS thị xã An K;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-.Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Sinh